

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN BÌNH ĐẠI
TỈNH BẾN TRE**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: **74/2021/HNGĐ-ST**
Ngày: 30/12/2021.
V/v tranh chấp ly hôn

NHÂN DANH

**NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN BÌNH ĐẠI, TỈNH BẾN TRE**

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Trần Văn T.

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Ông Bùi Tuấn K.

2. Ông Võ Minh Q

- Thư ký phiên tòa: Ông Võ Thành T – Thư ký Tòa án nhân dân huyện Bình Đại, tỉnh Bến Tre.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Bình Đại tham gia phiên tòa:

Bà Nguyễn Thị Thảo L- Kiểm sát viên.

Ngày 30 tháng 12 năm 2021 tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Bình Đại, tỉnh Bến Tre xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 171/2021/TLST-HNGĐ ngày 10 tháng 5 năm 2021 về việc “*Tranh chấp ly hôn*” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 169/2021/QĐXXST -HN ngày 10 tháng 11 năm 2021 và Quyết định hoãn phiên tòa số: 119/2021/QĐST-HN ngày 01 tháng 12 năm 2021 giữa:

1. *Nguyên đơn:* Chị Nguyễn Thị Hồng N, sinh năm 1988. (có đơn xin giải quyết vắng mặt)

Địa chỉ: Ấp 5, xã H, huyện C, tỉnh Long An.

2. *Bị đơn:* Anh Tô Minh T, sinh năm 1988. (vắng mặt)

Địa chỉ: ấp P, xã P, huyện B, tỉnh Bến Tre.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn khởi kiện đề ngày 10/5/2021 và những lời khai tiếp theo nguyên đơn chị Nguyễn Thị Hồng N trình bày:

Chị và anh Trọng chung sống với nhau năm 2012, trên tinh thần tự nguyện và có đăng ký kết hôn tại xã H, tỉnh Long An. Quá trình chung sống hạnh phúc, đến

tháng 3/2012 thì phát sinh mâu thuẫn, nguyên nhân bất đồng quan điểm sống. Hiện tại, chị nhận thấy tình cảm vợ chồng không còn nên yêu cầu Tòa án giải quyết cho ly hôn.

Về con chung: có 01 con chung tên Tô Nguyễn Thanh U, sinh ngày 26/02/2012. Chị Nga yêu cầu được nuôi cháu U, không yêu cầu anh Trọng cấp dưỡng nuôi con.

Về tài sản chung, nợ chung: không có.

Anh Tô Minh Tg vắng mặt trong suốt quá trình giải quyết vụ án nên không có lời trình bày:

** Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Bình Đại phát biểu ý kiến về việc tuân theo pháp luật tố tụng trong quá trình giải quyết vụ án của Thẩm phán, Hội đồng xét xử, việc chấp hành pháp luật của người tham gia tố tụng, kể từ khi thụ lý vụ án cho đến trước thời điểm Hội đồng xét xử nghị án và phát biểu ý kiến về việc giải quyết vụ án:*

Về việc tuân theo pháp luật tố tụng:

Đối với Thẩm phán chấp hành tốt theo quy định tại Điều 203 Bộ luật tố tụng dân sự. Hội đồng xét xử, thực hiện đúng các nguyên tắc do pháp luật quy định.

Đối với những người tham gia tố tụng thì nguyên đơn có chấp hành tốt, riêng bị đơn đã được Tòa án triệu tập hợp lệ nhưng vẫn vắng mặt là vi phạm nghĩa vụ của bị đơn theo quy định tại khoản 16 Điều 70 Bộ luật tố tụng dân sự.

Về nội dung vụ án:

Về quan hệ hôn nhân: Chấp nhận yêu cầu ly hôn của chị N đối với anh anh T.

Về con chung: Tiếp tục giao con chung tên Tô Nguyễn Thanh U, sinh ngày 26/02/2012, cho chị Nga được nuôi dưỡng. Ghi nhận chị N nuôi con không yêu cầu anh T cấp dưỡng nuôi con.

Về tài sản chung: Chị Nguyễn Thị Hồng N khai không có, nên không xét đến.

Về nợ chung: Chị Nguyễn Thị Hồng N khai không, nên không xét đến.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án đã được thẩm tra tại phiên tòa, kết quả tranh tụng tại phiên tòa và ý kiến của kiểm sát viên. HĐXX nhận định:

[1] Về tố tụng: Chị Nguyễn Thị Hồng N có đơn yêu cầu giải quyết vụ án vắng mặt, anh Tô Minh T đã được Tòa án triệu tập hợp lệ hai lần nhưng vắng không có lý

do. Do đó, tiến hành xét xử vắng mặt chị Nga, anh T là phù hợp với Điều 227, 288 Bộ luật tố tụng dân sự.

[2] Về nội dung:

[2.1] Về hôn nhân: Chị Nguyễn Thị Hồng N và anh Tô Minh T chung sống với nhau năm 2012, trên tin thần tự nguyện và có đăng ký kết hôn nên được công nhận là hôn nhân hợp pháp. Thời gian đầu chung sống hạnh phúc sau đó thì phát sinh mâu thuẫn, nguyên nhân được chị N xác định do bất đồng quan điểm và cũng từ tháng 3/2012 chị và anh Trọng ly thân nhau cho đến nay. Từ lúc ly thân nhau cho đến nay mỗi người đều có cuộc sống độc lập, không ai quan tâm đến ai, Tòa án tổ chức hòa giải nhiều lần để chị N và anh T đoàn tụ nhưng anh T không đến, anh T có ý thức bỏ mặc hôn nhân giữa anh và chị N. Điều đó, chứng tỏ hôn nhân giữa chị Nga và anh Trọng đã đến mức trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích hôn nhân không đạt được nên chị N yêu cầu ly hôn với anh T là có căn cứ, phù hợp với Điều 51, 56 Luật hôn nhân và gia đình nên Hội đồng xét xử chấp nhận.

[2.2] Về con chung: có 01 con chung tên Tô Nguyễn Thanh U, sinh ngày 26/02/2012. Xét thấy, để đảm bảo quyền và lợi ích của con chung, cần giao con cho chị N tiếp tục nuôi dưỡng là phù hợp với quy định pháp luật. Ghi nhận chị N nuôi con không yêu cầu anh T cấp dưỡng nuôi con.

[2.3] Về tài sản chung, nợ chung: chị N khai không có nên không xét đến.

[3] Xét đề nghị của Viện kiểm sát phù hợp với nhận định của Hội đồng xét xử nên chấp nhận.

[4] Về án phí hôn nhân sơ thẩm: Nguyên đơn chị N phải chịu án phí là 300.000đ.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ các Điều 56, 81, 82, 83 và 84 Luật hôn nhân và gia đình năm 2014;

Căn cứ các Điều 227, 228 Bộ luật tố tụng dân sự 2015;

Căn cứ Nghị quyết số: 326/2016/UBTVQH 14 ngày 30/12/2016 quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Tuyên xử:

1. Chấp nhận yêu cầu ly hôn của chị Nguyễn Thị Hồng N với anh Tô Minh T. Chị Nguyễn Thị Hồng N được ly hôn với anh Tô Minh T. Quan hệ hôn nhân của chị N, anh T chấm dứt kể từ ngày bản án có hiệu lực pháp luật.

2. Về con chung: Giao 01 con chung là Tô Nguyễn Thanh U, sinh ngày 26/02/2012 cho chị Nguyễn Thị Hồng N tiếp tục nuôi dưỡng. Ghi nhận việc chị N nuôi con không yêu cầu anh T cấp dưỡng nuôi con.

Anh T không trực tiếp nuôi con được quyền thăm nom, chăm sóc, giáo dục con chung không ai được quyền cản trở. Trong thời gian con chung của chị N anh T chưa tròn 18 tuổi, chị N được quyền yêu cầu cấp dưỡng nuôi con, anh T được quyền yêu cầu thay đổi người nuôi con.

3. Về tài sản chung, nợ chung: chị N khai không có, nên không xét đến.

4. Án phí hôn nhân sơ thẩm: Chị Nguyễn Thị Hồng N phải chịu 300.000 đồng, nhưng được khấu trừ vào số tiền tạm ứng án phí chị N đã nộp theo biên lai thu số 0006390 ngày 30/5/2021 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Bình Đại. Vậy án phí chị N đã nộp đủ.

Chị N, anh T vắng mặt, được quyền kháng cáo trong hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được tổng đạt hợp lệ./.

Nơi nhận:

- TAND tỉnh Bến Tre;
- VKSND huyện Bình Đại;
- Chi cục THA huyện Bình Đại;
- UBND xã Hiệp Thạnh, huyện Châu Thành, tỉnh Long An);
- Các đương sự;
- Lưu.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Trần Văn Tuấn